

Bản án số: 160/2024/DS-ST  
Ngày 30 - 7 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Minh Hoàng

Bà Đoàn Thị Sim

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Võ Việt Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2024/TLST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B, L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L – Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện P - Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Hà Quốc T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Hà Hồng H, sinh năm 2009.

Người đại diện hợp pháp của cháu H là ông Hà Quốc T, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ông T và bà T1 đã ký nhận tiền vay tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện P - Cà Mau theo hợp đồng tín dụng số 7508-LAV-20214194 ký ngày 17/12/2021 số tiền nhận nợ là: 372.000.000 đồng, hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 19.05.PM.0017/HĐTC ký ngày 10/06/2019, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.19.PM.0017/PLHĐTC ký ngày 01/10/2019, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.20.PM.0017/PLHĐTC ký ngày 27/11/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.21.PM.0017/PLHĐTC ký ngày 17/12/2020 do ông Hà Quốc T và bà Phạm Thị T1 ký thế chấp.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 267993, CP 267994 với tổng diện tích: 10.287,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau do ông Hà Quốc T đứng tên.

Tính đến thời điểm 30/7/2024 bị đơn còn nợ Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) số tiền là: 495.874.471 đồng, trong đó nợ gốc 372.000.000 đồng, nợ lãi 123.874.471 đồng.

Ông T và bà T1 vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết là để nợ quá hạn lâu ngày không thanh toán (quá hạn kể từ ngày 18/12/2022), cán bộ tín dụng Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ gia đình làm việc về việc vi phạm hợp đồng tín dụng nhưng gia đình chưa thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T và bà T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 495.874.471 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2024 đến khi thanh toán hết nợ vay mà ông T và bà T1 còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông T và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo của ông T theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ vay.

*Bị đơn bà T1 trình bày:*

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và số tiền còn nợ, tuy nhiên do điều kiện gia đình chưa trả được ngay nên đề nghị Ngân hàng kéo dài thêm thời gian để vợ chồng bà sắp xếp nguồn vốn trả nợ.

*Đối với ông T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông nhưng ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông T, bà T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 495.874.471 đồng, thấy rằng:

Theo hợp đồng tín dụng số 7508-LAV-20214194 ký ngày 17/12/2021 thể hiện: Bị đơn có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền: 372.000.000 đồng; phương thức cho vay: Từng lần, thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: Nuôi tôm; Lãi suất vay: 7,35%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn được ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Quá trình vay, theo đại diện nguyên đơn từ khi vay đến nay bị đơn không thanh toán tiền gốc và tiền lãi, hiện còn nợ số tiền tính đến ngày 30/7/2024 là 495.874.471 đồng, trong đó nợ gốc 372.000.000 đồng, nợ lãi 123.874.471 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn, ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian để có điều kiện trả nợ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý, xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ là đúng quy định.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng, thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 267993, diện tích 2.384m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 267994, diện tích 7.903,5m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 22/5/2019 tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau do ông Hà Quốc T đứng tên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 19.05.PM.0017/HĐTC ký ngày 10/06/2019, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.19.PM.0017/PLHĐTC ký ngày 01/10/2019, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.20.PM.0017/PLHĐTC ký ngày 27/11/2020 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

05.21.PM.0017/PLHĐTC ký ngày 17/12/2020 do ông Hà Quốc T và bà Phạm Thị T1 ký thể chấp.

Việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là phù hợp và đúng quy định.

[3.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày tất toán nợ theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu 23.834.978 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Hà Quốc T và bà Phạm Thị T1 liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền: 495.874.471 đồng đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng).

2. Trường hợp ông T, bà T1 không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 267993, diện tích 2.384m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 267994, diện tích 7.903,5m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 22/5/2019, tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau do ông Hà Quốc T

đứng tên.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng N không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng N 11.690.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003521 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Ông Hà Quốc T và bà Phạm Thị T1 phải chịu 23.834.978 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), chưa nộp.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hồ Dũng Liêm**



